

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **752** /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **09** tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất phốt pho vàng công suất 6.000 tấn/năm tại KCN Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 19/4/2004 của UBND tỉnh về việc chấp thuận dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phốt pho vàng tại Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 3128/QĐ-CT ngày 02/12/2004 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phốt pho vàng Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Phê duyệt Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Thông báo số 85/TB-VPUBND ngày 22/3/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Đặng Xuân Phong – Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp đầu tư trong Khu công nghiệp Tăng Loỏng;

Căn cứ Thông báo số 76/TTB-VPUBND ngày 30/3/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 27/3/2020 xét duyệt các dự án XDCB;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 78/TTr-SGTVTXD ngày 29/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất phốt pho vàng công suất 6.000 tấn/năm tại KCN Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai với nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch

a) *Vị trí:* Thuộc Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

b) *Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:*

- Phía Tây Bắc giáp Nhà máy phốt pho 1;

- Phía Đông Bắc giáp Khe Chom;

- Phía Tây Nam giáp đường giao thông (tuyến đường T12 - đường quy hoạch phân khu KCN Tăng Loỏng);

- Phía Đông Nam giáp đường giao thông (tuyến T8 thuộc đường quy hoạch phân khu Khu CN Tăng Loỏng).

2. Quy mô lập quy hoạch

- Tổng diện tích lập quy hoạch chi tiết: 7,77ha (77.700 m²);

- Hồ sơ quy hoạch được lập trên bình đồ tỷ lệ 1/500.

3. Mục tiêu của khu vực lập quy hoạch

Là khu nhà máy sản xuất phốt pho vàng thuộc lĩnh vực hóa chất của Công ty Cổ phần phốt pho Việt Nam.

4. Quy hoạch sử dụng đất

a) *Đất xây dựng Văn phòng quản lý điều hành:* Diện tích 930m², ký hiệu TT; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 12,5m.

b) *Đất xây dựng các phân xưởng sản xuất:* Tổng diện tích 6.812m², gồm 2 lô có ký hiệu SX1 và SX2, bao gồm:

- Đất xây dựng phân xưởng sản xuất 1: Gồm Nhà gia công quặng thô (Trạm nghiền), Tháp dập bụi, Thiết bị sấy, Bumke chứa nguyên liệu, Nhà kho chứa ô xi, Nhà sản xuất phốt pho vàng (Lò điện), Bể chứa xỉ than, Ký hiệu SX1, diện tích 4.520m²; mật độ xây dựng 70%; chiều cao tối đa 30,0m;

- Đất xây dựng phân xưởng sản xuất 2: Gồm Kho chứa chất thải nguy hại, phế liệu, Nhà nồi hơi đốt than, Nhà nồi hơi đốt khi CO, hệ thống đốt bùn nghèo, Ký hiệu SX2, diện tích 2.292m²; mật độ xây dựng 70%; chiều cao tối đa 30,0m.

c) *Đất xây dựng Nhà kho:* Tổng diện tích 4.514m², gồm 4 lô có ký hiệu từ NK1 ÷ NK4, bao gồm:

- Đất xây dựng Nhà kho chứa than: Diện tích 1.396m², ký hiệu NK1; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 12,5m;

- Đất xây dựng Nhà kho chứa quặng: Diện tích 1.340m², ký hiệu NK2; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 12,5m;

- Đất xây dựng Nhà kho chứa vật tư thiết bị và xưởng sửa chữa: Diện tích 1.106m², ký hiệu NK3; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 12,5m;

- Đất xây dựng Nhà kho chứa thành phẩm: Diện tích 672m², ký hiệu NK4; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 12,5m.

d) Đất xây dựng các công trình phụ trợ: Tổng diện tích 777m², gồm 5 lô có ký hiệu từ PT1 ÷ PT5, bao gồm:

- Đất xây dựng công trình phụ trợ 1: Bốt bảo vệ số 1 và Nhà để xe số 1, diện tích 121m², ký hiệu PT1; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 6,0m;

- Đất xây dựng công trình phụ trợ 2: Trạm cân điện tử và Nhà để xe số 2, diện tích 273m², ký hiệu PT2; mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 6,0m;

- Đất xây dựng công trình phụ trợ 3 (Nhà KCS): Diện tích 70m², ký hiệu PT3, mật độ xây dựng 100%; chiều cao tối đa 6,0m;

- Đất xây dựng công trình phụ trợ 4 (Bốt bảo vệ số 2): Diện tích 30m², ký hiệu PT4; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 6,0m;

- Đất xây dựng công trình phụ trợ 5 (Nhà tắm và thay đồ giao ca): Diện tích 283m², ký hiệu PT5; mật độ xây dựng 50%; chiều cao tối đa 6,0m.

đ) Đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích 4.360m², gồm 3 lô có ký hiệu từ HTKT1 ÷ HTKT3, bao gồm:

- Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật 1 (Trạm điện phân phối): Ký hiệu HTKT1, diện tích 410m²; mật độ xây dựng 70%, chiều cao tối đa 18,0m;

- Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật 2 (Bể thu hồi bột quặng Apatit): Ký hiệu HTKT2, diện tích 545m²; mật độ xây dựng 100%, chiều cao tối đa 6m;

- Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật 3 (Bể chứa nước sạch và Trạm xử lý nước thải và trạm bơm tuần hoàn): Ký hiệu HTKT3, diện tích 3.405m²; mật độ xây dựng 30%; chiều cao tối đa 6m.

e) Đất mặt nước: Tổng diện tích 1.738 m², gồm 2 lô có ký hiệu từ MN1 ÷ MN2, bao gồm:

- Đất mặt nước 1 (Bể khúc lưu): Diện tích 738m², ký hiệu MN1.

- Đất mặt nước 2 (Hồ thu gom nước thải sinh hoạt và nước mưa): Diện tích 1.000m², ký hiệu MN2.

f) Đất xây dựng Bãi tập kết nguyên liệu: Tổng diện tích 31.206m², gồm 3 lô có ký hiệu BTK1 ÷ BTK3, bao gồm:

- Đất xây dựng Bãi tập kết nguyên liệu 1: Diện tích 13.802m², ký hiệu BTK1, mật độ xây dựng 30%, chiều cao tối đa 10,0m;

- Đất xây dựng Bãi tập kết nguyên liệu 2: Diện tích 14.832m², ký hiệu BTK2, mật độ xây dựng 30%, chiều cao tối đa 10,0m;

- Đất xây dựng Bãi tập kết nguyên liệu 1: Diện tích 2.572m², ký hiệu BTK3, mật độ xây dựng 30%, chiều cao tối đa 10,0m.

g) *Đất Sân bãi nội bộ*: Tổng diện tích 8.650m², gồm 3 lô có ký hiệu SB1 ÷ SB3, bao gồm:

- Đất sân bãi nội bộ 1: Diện tích 4.314m², ký hiệu SB1;

- Đất sân bãi nội bộ 2: Diện tích 998m², ký hiệu SB2;

- Đất sân bãi nội bộ 3: Diện tích 3.338m², ký hiệu SB3.

h) *Đất giao thông nội bộ*: Gồm các trục đường giao thông nội bộ trong phạm vi Nhà máy với tổng diện tích 5.604m².

i) *Đất thể dục thể thao (đất xây dựng sân Tennis luyện tập TDTT cho cán bộ công nhân viên nhà máy)*: Diện tích 666,0m².

j) *Đất cây xanh, thảm cỏ*: Gồm 8 lô đất với tổng diện tích 11.007m²; ký hiệu từ CX1 ÷ CX8.

k) *Đất hạ tầng kỹ thuật khác (taluy + kè chênh cos)*: Diện tích 1.566 m².

l) *Bảng thống kê sử dụng đất*:

Số TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)	Chiều cao tối đa (m)
1	Đất văn phòng điều hành	TT	930	100	12,5
2	Đất xây dựng các phân xưởng sản xuất	SX	6.812		
2.1	Đất xây dựng phân xưởng sản xuất 1: Nhà gia công quặng thô (Trạm nghiền), Tháp dập bụi, Thiết bị sấy, Bumke chứa nguyên liệu, Nhà kho chứa ô xi, Nhà sản xuất phốt pho vàng (Lò điện), Bể chứa xỉ than	SX1	4.520	70	30,0
2.2	Đất xây dựng phân xưởng sản xuất 2: Kho chứa chất thải nguy hại, phế liệu, Nhà nồi hơi đốt than, hà nồi hơi đốt khi CO, Hệ thống đốt bùn nghèo	SX2	2.292	70	30,0
3	Đất xây dựng nhà kho	NK	4.514		
3.1	Đất XD nhà kho chứa than	NK1	1.396	100	12,5
3.2	Đất XD nhà kho chứa quặng	NK2	1.340	100	12,5
3.3	Đất XD nhà kho chứa vật tư thiết bị và xưởng sửa chữa	NK3	1.106	100	12,5
3.4	Đất XD kho chứa thành phẩm	NK4	672	100	12,5
4	Đất xây dựng các công trình phụ trợ	PT	777		
4.1	Đất XD công trình phụ trợ 1: Bốt bảo vệ số 1 và Nhà để xe số 1	PT1	121	100	6,0
4.2	Đất XD công trình phụ trợ 2: Trạm cân điện	PT2	273	100	6,0

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

a1. Quy mô thiết kế các tuyến đường:

- Hệ thống giao thông nội được bố trí liên hệ mật thiết với giao thông đối ngoại (bên ngoài Nhà máy) để đi lại cung cấp nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra đưa đi tiêu thụ và các thiết bị, vật tư, phụ tùng cung cấp cho nhà máy đồng thời đi lại thuận lợi giữa khu văn phòng quản lý điều hành và các phân xưởng đảm bảo các yêu cầu: Giao thông thuận tiện, an toàn trong vận hành sản xuất, thuận tiện khi bảo dưỡng máy móc; đảm bảo an toàn cho việc phòng chống cháy trên toàn diện tích phân xưởng.

- Mạng lưới giao thông khu vực nhà máy gồm các tuyến đường:

+ Tuyến đường T1 (Đoạn 1) có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 7,50\text{m}$, $B_{\text{vh}} = 0,0\text{m} + 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} = 9,0\text{m}$;

+ Tuyến đường T1 (Đoạn 2) có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 7,50\text{m}$, $B_{\text{vh}} = 2 \times 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} = 10,5\text{m}$;

+ Tuyến đường T2 có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 7,50\text{m}$, $B_{\text{vh}} = 2 \times 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} = 10,5\text{m}$;

+ Tuyến đường T3 có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 7,50\text{m}$, $B_{\text{vh}} = 2 \times 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} = 10,5\text{m}$.

a2. Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Chỉ giới đường đỏ của tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới đã được xác định trong quy hoạch, được xác định cụ thể theo mặt cắt ngang đường và thể hiện trong bản đồ quy hoạch giao thông.

- Chỉ giới xây dựng:

+ Đối với các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên Nhà máy: Chỉ giới xây dựng tính từ chỉ giới đường đỏ vào trong (cả hai bên) $\geq 1,5\text{m}$;

+ Đối với tuyến đường giao thông T12 và tuyến đường T8 (Tuyến đường theo quy hoạch phân khu Khu CN Tầng Loong). Chỉ giới xây dựng tính $\geq 5,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

b1. San nền: Khu đất thuộc phạm vi nhà máy đã được san gạt hoàn thiện xây dựng công trình được giữ nguyên hiện trạng các mặt bằng theo các phân khu chức năng.

- Các lô đất được tính toán, san nền theo tổng mặt bằng đầu tư xây dựng trong giai đoạn thực hiện dự án.

- San nền trong đồ án đưa ra chủ yếu là đào đắp cục bộ khu vực sân tập kết nguyên liệu. Cao độ thiết kế các mặt bằng bám theo cao độ khống chế của các tuyến đường giao thông, toàn bộ mặt bằng trong quá trình san lấp được đảm bảo đạt độ chặt cần thiết K90.

b2. Thoát nước mặt:

- Xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh đầy đủ và đồng bộ cho toàn khu quy hoạch.

- Nước mưa từ mái nhà, sân bãi được thu vào hệ thống thoát nước chung gồm rãnh và cống bê tông đảm bảo thoát nhanh, thoát hết nước mưa trên mặt bằng công trình. Nước mưa từ mái nhà các hạng mục được gom về máng thu nước và được thoát xuống sân bãi bằng các ống thoát nước đứng. Nước mưa, nước thải chảy theo độ dốc đường giao thông và sân bãi thoát ra rãnh hờ dọc chân kè và theo các tuyến cống, rãnh chảy về hồ điều hoà.

- Các tuyến đường nội bộ và chân ta luy khu vực Nhà máy bố trí các tuyến rãnh hờ B60, cống tròn D60, D75 thu nước qua các hố ga thu nước (trung bình 35m/1 hố ga). Độ dốc dọc tuyến theo độ dốc của đường giao thông và sân bãi.

c) Quy hoạch cấp nước:

c1. Nhu cầu dùng nước và nguồn nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy cho toàn khu là:

$$Q_T = 336,54 \text{ (m}^3\text{/ngày đêm)}.$$

- Nguồn cung cấp nước cho nhà máy: Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới đường ống cấp nước đường T12 (Khu công nghiệp Tăng Loong) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cứu hoả, tưới cây, rửa đường và sinh hoạt. Đồng thời nước thải được thu gom về bể khúc lưu và hồ điều hoà được làm sạch qua trạm xử lý cấp nước tuần hoàn cho sản xuất.

c2. Nguyên tắc và giải pháp thiết kế:

- Từ mạng lưới cấp nước khu công nghiệp Tăng Loong (ống cấp nước đã có trên tuyến đường T12) khởi thủy dẫn nước vào khuôn viên Nhà máy bằng đường ống D110 dẫn nước tới bể chứa nước và các khu sản xuất, sinh hoạt. Từ đây nước được đưa theo hệ thống đường ống nhánh phân phối có đường kính D110, D76 đưa nước tới các phân xưởng phục vụ sản xuất theo nhu cầu dùng nước của từng bộ phận dây chuyền công nghệ sản xuất.

- Cấp nước cứu hoả khi sự cố xảy ra: Dùng máy bơm nước chữa cháy $Q = 36 \text{ m}^3\text{/h}$, $H = 30\text{m}$ (01 bơm điện hoạt động, 01 bơm diesel dự phòng) đưa nước từ bể chứa tới tổng mặt bằng đường ống cấp nước sản xuất kết hợp cứu hoả ngoài nhà để sử dụng khi có sự cố xảy ra.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, và thu gom rác thải, vệ sinh môi trường:

d1. Nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, rác thải :

- Nước thải sinh hoạt là $= 3,6 \text{ m}^3\text{/ngày đêm}$ (Nước thải sinh hoạt = 100% khối lượng nước cấp).

- Nước thải sản xuất là: $170,94 \text{ m}^3\text{/ngày đêm}$;

- Nhu cầu phải xử lý rác thải sinh hoạt là = 80 Kg/ngày đêm.

- Nhu cầu sử lý rác thải sản xuất: Các loại chất thải rắn trong quá trình sản xuất (từ các nguyên vật dụng phế liệu thừa như: Nhựa phế phẩm, kim loại...), được thu gom, phân loại, tập trung về nơi tập kết để định kỳ đưa đi xử lý tái chế.

d2. Nguyên tắc và giải pháp thiết kế:

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân được xử lý trong bể tự hoại, sau đó thoát ra rãnh thoát nước chung với nước mưa.

- Nước thải sản xuất: Chủ yếu là nước thải rửa sàn và nước thải sản xuất của các phân xưởng tùy thuộc vào đặc tính nước thải mà được xử lý sơ bộ trước khi đi vào bể khức lưu. Từ bể khức lưu nước thải được làm sạch theo quy trình và được bơm ngược trở lại để bổ sung lượng nước phục vụ sản xuất. Riêng đối với nước thải độc hại (dầu mỡ thừa,...) được thu gom bằng đường ống sau đó dẫn vào khu xử lý và dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung và đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu CN Tầng Loong. Toàn bộ đường ống thu gom nước thải là ống PVC D300, khoảng cách trung bình 20-30m/hố ga để thu nước và kiểm tra thông tắc cống.

- Xử lý chất thải rắn: Các loại chất thải rắn trong quá trình sản xuất (từ các nguyên vật liệu dư thừa, phụ phẩm bao bì, hộp, nhựa, kim loại, dầu máy, giẻ lau dính dầu, mỡ từ các phương tiện vận tải,...) được thu gom, phân loại, tập trung về nơi tập kết. Chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất như bao bì chứa hóa chất, hóa chất độc hại, được thu gom, phân loại và lưu trữ tạm thời tại khu vực chứa chất thải nguy hại của nhà máy.

Toàn khu bố trí 01 điểm tập kết chất thải rắn và nguy hại. Tại điểm tập kết rác này xây bó vỉa xung quanh, nền láng bê tông xi măng (có xử lý chống thấm), có ga thu nước thải dẫn ra vị trí tuyến cống gần nhất. Theo định kỳ sẽ vận chuyển rác đi đến khu xử lý rác thải tập trung của khu công nghiệp Tầng Loong.

- Xây dựng các hệ thống thu gom bụi, khí thải công nghiệp theo dây truyền công nghệ sản xuất của các xưởng sản xuất.

đ) Quy hoạch Cấp điện và thông tin liên lạc:

đ1) Cấp điện:

- Nguồn cấp cho Nhà máy được lấy từ cột 35KV tại vỉa hè đường T12. Từ cột điểm đấu điện 35KV được dẫn ngầm qua sân bê tông đưa vào Trạm điện hạ thế để điều hoà, phân phối lưới điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trong nhà máy.

- Từ Trạm điện hạ thế điện được hạ áp xuống các công suất khác nhau 35/6KV; 35/0,4KV... tùy thuộc vào yêu cầu của từng phân xưởng. Từ mạng phân phối 6KV cấp điện cho các động cơ 6kV của các phân xưởng sản xuất để thuận tiện đấu nối trực tiếp lưới điện 6KV và điện hạ thế 0,4KV từ các trạm biến áp theo nhu cầu sử dụng.

- Một số tuyến cáp được bố trí đi ngầm còn lại là đi nổi theo vỉa hè lề đường và trên thang cáp dọc theo kết cấu các nhà phân xưởng sản xuất hoặc cột đỡ.

- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà sử dụng nguồn điện 3 pha 0,4/0,23kV được lấy từ tủ điện trạm hạ thế. Cột đèn chiếu sáng sử dụng cột đèn thép liền cần mạ kẽm cao 8,0m bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông và sân bãi nội bộ trong khuôn viên Nhà máy.

đ2. Thông tin liên lạc: Xây dựng hệ thống thông tin phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực của dự án.

6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phốt pho vàng Lào Cai đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3128/QĐ-CT ngày 02/12/2004.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND huyện Bảo Thắng, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.

2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao Ban quản lý khu kinh tế tỉnh và cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Giao thông vận tải - Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Trưởng ban quản lý khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bảo Thắng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Công ty CP Phốt pho Việt Nam;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, QLĐT3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải